

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ

Đoàn Văn Minh^{1,*}, Thái Văn Thành²

¹Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ Doanh nghiệp,
Trường Đại học Vinh, Nghệ An, Việt Nam

²Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
Social Science and Humanities
p-ISSN: 3030-4660
e-ISSN: 3030-4024

Volume: 53

Issue: 2B

***Correspondence:**
doanminhdhv@gmail.com

Received: 28 March 2024

Accepted: 06 June 2024

Published: 20 June 2024

Citation:
Doan Van Minh, Thai Van
Thanh (2024). The current
situation of student affairs
management at public
universities in the North
Central Region.
Vinh Uni. J. Sci.
Vol. 53 (2B), pp. 92-103
doi: 10.56824/vujs.2024c068c

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an
Open Access article distributed
under the terms of the [Creative
Commons Attribution License](#)
(CC BY NC), which permits
non-commercially to share
(copy and redistribute the
material in any medium) or
adapt (remix, transform, and
build upon the material),
provided the original work is
properly cited.

Bài viết đã phân tích, đánh giá về thực trạng quản lý công tác sinh viên ở các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ. Nội dung khảo sát, phân tích được thực hiện theo các chức năng cơ bản của hoạt động quản lý (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá). Bên cạnh đó, các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý công tác sinh viên cũng được khảo sát theo những mức độ tác động và ảnh hưởng khác nhau. Việc khảo sát, phân tích hiệu quả thực hiện các chức năng quản lý nêu trên đã xác định được thực trạng quản lý công tác sinh viên ở các trường hiện nay. Đó sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý công tác sinh viên ở các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ.

Từ khóa: Công tác quản lý sinh viên; đại học công lập; Bắc Trung Bộ; giáo dục đại học.

1. Đặt vấn đề

Ở các trường đại học tại Việt Nam, sinh viên (SV) là trung tâm của quá trình giáo dục và đào tạo. Và vì vậy, quản lý công tác sinh viên (CTSV) có vai trò hết sức quan trọng, quyết định chất lượng nguồn nhân lực do nhà trường đào tạo. Đây được xem là mảng công tác quan trọng trong tổ chức của mỗi trường đại học. Có thể nói, nếu quản lý CTSV được tổ chức bài bản, khoa học và hiệu quả, SV sẽ phát huy được tốt nhất năng lực, sở trường, giúp nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện. Đồng thời, không chỉ giới hạn là quản lý trong học tập mà quản lý CTSV còn được thực hiện trên nhiều lĩnh vực khác như chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống hay thực hiện chế độ, chính sách cho SV; tổ chức các hoạt động hỗ trợ SV khởi nghiệp, hoạt động dịch vụ, nội, ngoại trú. Điều đó có nghĩa là, quản lý CTSV không chỉ tham gia quá trình dạy học cùng giảng viên và nhà trường mà còn hỗ trợ trực tiếp cho quá trình giáo dục và đào tạo của nhà trường. Nếu CTSV được quan tâm và triển khai bài bản, chuyên nghiệp, phù hợp với thực tế của từng cơ sở cơ sở giáo dục đại học thì sẽ giúp SV phát huy tối ưu vai trò, năng lực trong học tập, rèn luyện, góp phần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, tư duy và cả thái độ để có sự tự tin cao nhất khi tiếp cận với thế giới việc làm, là cơ sở, nền tảng cho sự thành công trên con

đường lập thân, lập nghiệp. Đồng thời, quản lý CTSV cũng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của trường đại học. Vì thế, nâng cao hiệu quả quản lý CTSV cũng là góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường đại học.

2. Khảo sát thực trạng quản lý công tác sinh viên ở các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ

2.1. Khái quát về các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ

Qua tìm hiểu, phân tích những nét cơ bản về lịch sử phát triển, quy mô đào tạo, chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất của các trường, có thể tổng hợp thành đặc điểm chung của các trường đại học công lập ở khu vực Bắc Trung Bộ như sau:

Một là, các trường có vai trò và đóng góp quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương cũng như của khu vực. Vai trò đó được thể hiện rõ nét trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, phục vụ cộng đồng; đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực, phát triển ngành nghề theo định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của vùng.

Hai là, các trường có một số lợi thế nhất định như cơ chế chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương, chi phí học tập thấp hơn và vị trí địa lý thuận lợi đối với người học (bởi đa số là người địa phương). Bên cạnh đó, các trường thường có mối quan hệ gần gũi, chặt chẽ với doanh nghiệp và các trường trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn nên tạo thuận lợi nhất định trong công tác tuyển sinh.

Ba là, ngoài một vài trường đại học lớn của vùng (như Trường Đại học Vinh, Đại học Huế), các trường khác có “tuổi đời đào tạo đại học” còn ít, danh tiếng chưa cao, chất lượng tuyển sinh đầu vào thấp. Cùng với đó, các trường chưa thể hiện và phát huy tốt lợi thế cũng như tính đặc thù địa phương trong đào tạo cũng như quản trị nhà trường cho phù hợp với thực tiễn mà thường có xu hướng sao chép mô hình đại học khác để vận hành nên tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Ngoài ra, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn hạn chế, nguồn lực tài chính còn hạn hẹp, thu nhập của cán bộ, giảng viên không cao nên ít nhiều ảnh hưởng đến động lực và hiệu quả công việc cũng như đóng góp cho sự phát triển của nhà trường.

Bốn là, quy mô đào tạo của các trường không đồng đều. Chỉ có một vài trường có khá đông người học về tất cả các hệ và có sự đa dạng trong ngành nghề đào tạo thì đa số các trường còn lại có quy mô đào tạo ít cả về ngành nghề lẫn số lượng SV. Đây cũng là thách thức với các trường đại học “địa phương” trong bối cảnh hiện nay, khi mà nguồn tuyển sinh ngày càng bị thu hẹp do sự cạnh tranh gay gắt giữa các trường và những thay đổi trong xu thế lựa chọn nghề nghiệp của giới trẻ.

2.2. Khái quát về khảo sát thực trạng

a. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng về quản lý CTSV tại các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ, nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của công tác này của cán bộ viên chức và SV, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng của công tác này và xem xét các đề xuất, kiến nghị từ phía cán bộ viên chức và SV nhằm nâng cao hiệu quả công tác này tại các trường đại học hiện nay.

b. Nội dung khảo sát

- Khảo sát thực trạng CTSV ở các trường đại học theo các nhóm nội dung: Công tác giáo dục, tuyên truyền; Công tác quản lý sinh viên, công tác hỗ trợ và dịch vụ sinh viên; các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý CTSV.

- Nội dung khảo sát tập trung vào các vấn đề chính sau đây: 1/Thực trạng nhận thức về quản lý CTSV; 2/Thực trạng quản lý CTSV; 3/Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý CTSV ở các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ.

c. Đối tượng khảo sát

Cán bộ viên chức và sinh viên một số trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ, gồm các trường: Trường Đại học Hồng Đức, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Trường Đại học Hà Tĩnh, Trường Đại học Quảng Bình.

Bảng 1: Thông tin về đối tượng khảo sát

TT	Trường đại học công lập tham gia khảo sát	Số lượng cán bộ, viên chức tham gia khảo sát	Số lượng sinh viên tham gia khảo sát
1	Trường Đại học Hà Tĩnh	50 (20,32%)	52 (20,23%)
2	Trường Đại học Hồng Đức	42 (17,07%)	44 (17,12%)
3	Trường Đại học Kinh tế Nghệ An	49 (19,91%)	51 (19,84%)
4	Trường Đại học Vinh	71 (28,86%)	73 (28,40%)
5	Trường Đại học Quảng Bình	34 (13,82%)	37 (14,39%)
Tổng		246 người	257 người

d. Phương pháp khảo sát và cách thức xử lý số liệu

- Phương pháp thực hiện là khảo sát ý kiến thông qua phiếu hỏi được thiết kế trên Google form với hình thức gửi đường link khảo sát online qua email/zalo. Ngoài ra tác giả còn sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp, lấy ý kiến chuyên gia. Các đối tượng khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên.

- Số liệu thu thập từ khảo sát được tổng hợp và phân tích bằng Excel, phần mềm SPSS 25.0 để phục vụ mục đích nghiên cứu.

Bảng 2: Xử lý kết quả khảo sát

TT	Tiêu chí đánh giá	Cho điểm	Chuẩn đánh giá (X)
1	Tốt (rất đồng ý/rất hiệu quả)	4	3,25-4,0
2	Khá (khá đồng ý/khá hiệu quả)	3	2,5-3,24
3	Trung bình (đồng ý/hiệu quả)	2	1,75-2,49
4	Yếu (ít đồng ý/ít hiệu quả)	1	1,00-1,75
5	Kém (không đồng ý/không hiệu quả)	0	0

Việc xử lý kết quả các phiếu trưng cầu dựa vào phương pháp toán thống kê định lượng kết quả nghiên cứu. Đề tài sử dụng hai phương pháp đánh giá là: định lượng theo tỷ lệ % và đánh giá theo điểm trung bình cộng cho các nội dung đánh giá. Phiếu khảo sát được tác giả thiết kế với 40 câu hỏi, trong đó có 15 câu hỏi mở (Hair, 1998). Theo đó, ít nhất 5x40 (hơn 200 người) thì mới đảm bảo độ tin cậy và có ý nghĩa về mặt thống kê. Vì

vậy, tác giả đã tiến hành khảo sát 250 cán bộ viên chức (thu được là 246 phiếu, chiếm tỉ lệ 98,4%) và 280 SV (thu được 257 phiếu, chiếm tỉ lệ 91,78%).

e. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Kiểm định độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha là phép kiểm định phản ánh mức độ tương quan chặt chẽ giữa các biến quan sát trong cùng một nhân tố. Nó cho biết trong các biến quan sát của một nhân tố, biến nào đã đóng góp vào việc đo lường khái niệm nhân tố. Kết quả Cronbach's Alpha của nhân tố tốt thể hiện rằng các biến quan sát đo lường nhân tố là hợp lý, thể hiện được đặc điểm của nhân tố mẹ. Hệ số Cronbach's Alpha có giá trị biến thiên trong đoạn $[0,1]$. Về lý thuyết, hệ số này càng cao thang đo càng có độ tin cậy cao. Tuy nhiên, khi hệ số Cronbach's Alpha quá lớn (khoảng từ 0,95 trở lên) cho thấy có nhiều biến trong thang đo không có khác biệt nhau, hiện tượng này gọi là trùng lặp trong thang đo (Nguyễn Đình Thọ, 2009).

Khi đánh giá độ tin cậy của thang đo, cần xem xét các tiêu chuẩn sau: Nếu một biến đo lường có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn hoặc bằng 0,3 thì biến đó đạt yêu cầu (Nunnally, J., 1978). Giá trị hệ số Cronbach's Alpha: Từ 0,8 đến gần bằng 1: thang đo lường rất tốt; Từ 0,7 đến gần bằng 0,8: thang đo lường sử dụng tốt; Từ 0,6 trở lên: thang đo lường đủ điều kiện (Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005).

Kết quả khảo sát được làm sạch, mã hóa và nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 25.0. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo thể hiện trong Bảng 3. Kết quả cho thấy, 10 thang đo sử dụng trong phiếu khảo sát đều đạt ở mức độ rất tốt (từ 0,893 đến 0,919). Tức là có thể sử dụng các phiếu khảo sát để thu thập dữ liệu và phân tích định lượng.

Bảng 3: Kiểm định độ tin cậy của các thang đo

TT	Tên thang đo	Mã hóa thang đo	Cronbach's Alpha
1	Vai trò của quản lý CTSV đối với SV	VTQLSV	0,913
2	Công tác tuyên truyền, giáo dục quản lý CTSV	CTTTGD	0,906
3	Công tác hành chính, chế độ, chính sách cho SV	CTHCCĐCS	0,908
4	Công tác dịch vụ, hỗ trợ quản lý CTSV	CTDVHT	0,902
5	Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của CTSV	NTVT	0,919
6	Tổ chức bộ máy quản lý CTSV	TCBM	0,910
7	Năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý CTSV	NLDN	0,898
8	Nội dung, phương pháp quản lý CTSV	NDQL	0,886
9	Kiểm tra, đánh giá quản lý CTSV	KTDG	0,893
10	Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý CTSV	CNTAH	0,815

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng nhận thức về công tác sinh viên

Đối với thực trạng nhận thức về CTSV, có 3 tiêu chí được khảo sát với ký hiệu và nội dung như sau: NT01 - Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của CTSV; NT02 - Nhận thức về nội dung CTSV; NT03 - Nhận thức về phương pháp và hình thức CTSV; NT04 - Nhận thức về các điều kiện đảm bảo thực hiện CTSV.

Bảng 4: Nhận thức của lãnh đạo nhà trường về CTSV

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ nhận thức					Điểm trung bình
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Yếu	Kém	
1	NT01	9/12 (75%)	3/12 (25%)	0	0	0	3,75
2	NT02	7/12 (58,33%)	5/12 (41,67%)	0	0	0	3,66
3	NT03	8/12 (66,66%)	4/12 (33,34%)	0	0	0	3,58
4	NT04	8/12 (66,66%)	4/12 (66,66%)	0	0	0	3,66

Qua khảo sát 12 người là lãnh đạo (Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng) các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ cho thấy: Thực trạng nhận thức của lãnh đạo nhà trường về CTSV được đánh giá ở mức độ tốt với điểm trung bình là 3,66.

Bảng 5: Nhận thức của cán bộ lãnh đạo và chuyên viên phụ trách CTSV

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ nhận thức					Điểm trung bình
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Yếu	Kém	
1	NT01	25/117 (21,35%)	78/117 (66,67%)	14/117 (11,98%)	0	0	3,12
2	NT02	23/117 (19,65%)	80/117 (68,37%)	14/117 (11,98%)	0	0	3,07
3	NT03	26/117 (22,23%)	80/117 (68,37%)	11/117 (9,4%)	0	0	3,09
4	NT04	26/117 (22,23%)	78/117 (66,67%)	11/117 (11,1%)	0	0	3,08

Qua khảo sát 117 người là cán bộ lãnh đạo các đơn vị liên quan và chuyên viên phụ trách CTSV (trưởng/phó trưởng phòng, chuyên viên phòng CTSV, chuyên viên hành chính tại các đơn vị đào tạo) các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ cho thấy: Nhận thức của nhóm đối tượng này được đánh giá ở mức độ tốt với điểm trung bình là 3,09. Như vậy, so với nhận thức của lãnh đạo nhà trường thì nhận thức của cán bộ lãnh đạo các đơn vị liên quan và chuyên viên phụ trách CTSV được đánh giá thấp hơn (3,09 so với 3,66).

Qua khảo sát 75 người là giảng viên, cố vấn học tập của các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ cho thấy: Thực trạng nhận thức của đội ngũ này về CTSV được đánh giá ở mức độ tốt với điểm trung bình là 2,99. Như vậy, so với nhận thức của lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo bộ phận CTSV và chuyên viên phụ trách CTSV thì nhận thức của giảng viên được đánh giá thấp hơn (2,99 so với 3,09 và 3,66).

Bảng 6: Nhận thức của giảng viên về CTSV

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ nhận thức					Điểm trung bình
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Yếu	Kém	
1	NT01	12/75 (16%)	48/75 (64%)	15/75 (20%)	0	0	2,96
2	NT02	13/75 (17,33%)	48/75 (64%)	14/75 (18,67%)	0	0	2,97
3	NT03	13/75 (17,33%)	50/75 (66,67%)	12/75 (lệ 16%)	0	0	3,01
4	NT04	14/75 (18,67%)	49/75 (65,33%)	12/75 (16%)	0	0	3,02

Bảng 7: Nhận thức của cán bộ các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên về CTSV

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ nhận thức					Điểm trung bình
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Yếu	Kém	
1	NT01	8/42 (19,04%)	28/42 (66,67%)	6/42 (14,28%)	0	0	3,04
2	NT02	6/42 (14,28%)	30/42 (71,42%)	6/42 (14,28%)	0	0	3,0
3	NT03	6/42 (14,28%)	30/42 (71,42%)	8/42 (19,04%)	0	0	3,09
4	NT04	5/42 (11,9%)	31/42 (73,80%)	8/42 (19,04%)	0	0	3,07

Qua khảo sát 42 người là cán bộ các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ cho thấy: Thực trạng nhận thức của cán bộ các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên về CTSV được đánh giá ở mức độ tốt với điểm trung bình là 3,05

Bảng 8: Nhận thức của sinh viên về CTSV

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ nhận thức					Điểm trung bình
		Rất tốt	Tốt	Bình thường	Yếu	Kém	
1	N01	11/257 (4,28%)	95/257 (38,13%)	118/257 (45,91%)	33/257 (12,84%)	0	2,31
2	N02	13/257 (5,05%)	93/257 (36,18%)	120/257 (46,69%)	31/257 (12,06%)	0	2,23
3	N03	16/257 (6,22%)	92/257 (35,79%)	123/257 (47,85%)	28/257 (10,89%)	0	2,15

3 tiêu chí đã được khảo sát với ký hiệu và nội dung như sau: N01 - Nhận thức về công tác giáo dục tư tưởng cho sinh viên; N02 - Nhận thức về hoạt động hỗ trợ SV; N03 - Nhận thức về hoạt động dịch vụ cho sinh viên. Qua khảo sát 257 sinh viên của các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung bộ cho thấy: Thực trạng nhận thức của sinh viên về CTSV được đánh giá ở mức độ khá với điểm trung bình là 2,23.

3.2. Thực trạng xây dựng kế hoạch công tác sinh viên

Xây dựng kế hoạch CTSV là chức năng đóng vai trò cơ sở cho việc thực hiện hiệu quả quản lý CTSV trong nhà trường. Đây là tiền đề và là cơ sở cho việc thực hiện các chức năng quản lý kế tiếp và góp phần quyết định hiệu quả quản lý đạt được sau quá trình hoạt động.

Bảng 9: *Thực trạng lập kế hoạch thực hiện CTSV*

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ hiệu quả					Điểm trung bình
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Ít hiệu quả	Không hiệu quả	
1	Kế hoạch chiến lược	32 (13,08%)	132 (53,65%)	70 (28,45%)	12 (4,87%)	-	2,74
2	Kế hoạch trung hạn	37 (15,04%)	126 (51,21%)	72 (29,26%)	10 (4,06%)	-	2,71
3	Kế hoạch ngắn hạn	34 (13,82%)	132 (53,65%)	68 (27,64%)	14 (5,69%)	-	2,77

Bảng 9 cho thấy, việc lập kế hoạch thực hiện CTSV được đánh giá ở mức độ khá với điểm trung bình là 2,74.

3.3. Thực trạng tổ chức và chỉ đạo thực hiện CTSV

Bảng 10: *Thực trạng tổ chức và chỉ đạo thực hiện CTSV*

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ hiệu quả					Điểm trung bình
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Ít hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	KT01	37 (15,04%)	127 (51,62%)	70 (27,22%)	12 (4,88%)	-	2,76
2	KT02	42 (17,07%)	121 (49,18%)	72 (29,26%)	10 (4,06%)	-	2,78
3	KT03	39 (15,85%)	127 (51,62%)	68 (27,64%)	14 (5,69%)	-	2,79
4	KT04	39 (15,85%)	125 (50,81%)	70 (28,45%)	12 (4,87%)	-	2,77
5	KT05	38 (15,44%)	128 (52,03%)	65 (26,42%)	15 (6,09%)	-	2,76
6	KT06	37 (15,04%)	127 (51,62%)	66 (26,82%)	16 (6,50%)	-	2,75

Bảng 10 cho thấy, công tác tổ chức và chỉ đạo thực hiện CTSV được đánh giá ở mức độ khá. Đối với việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện, 06 tiêu chí đã được khảo sát, với ký hiệu và nội dung như sau: KT01 - Chuẩn bị, sắp xếp các nguồn lực; KT02 - Xem xét mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch của các đơn vị liên quan và đội ngũ chuyên trách; KT03 - Phát hiện ra những nhân tố mới giúp cho việc điều chỉnh kế hoạch hoặc phân công lại nhân sự phù hợp; KT04 - Điều phối các nội dung hoạt động CTSV (giáo dục, hỗ trợ, dịch vụ..) hướng đến thực hiện mục tiêu và kế hoạch CTSV; KT05 - Động viên, khuyến khích các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan đến CTSV thực hiện tốt các nội dung hoạt động CTSV; KT06 - Triển khai các hoạt động hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với CTSV.

3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá CTSV

Kiểm tra, đánh giá CTSV là công việc quan trọng trong quản lý CTSV nhằm nâng cao trách nhiệm của cán bộ, viên chức và sinh viên; kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế để điều chỉnh, khắc phục. Việc kiểm tra, đánh giá CTSV cần được thực hiện thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình với sự tham gia của các chủ thể quản lý CTSV.

Bảng 11: Thực trạng kiểm tra, đánh giá CTSV

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ hiệu quả					Điểm trung bình
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Ít hiệu quả	Rất hiệu quả	
1	KT01	40 (16,26%)	123 (50%)	72 (29,26%)	10 (2,06%)	-	2,77
2	KT02	42 (17,07%)	121 (49,18%)	74 (29,26%)	8 (3,25%)	-	2,79
3	KT03	40 (16,26%)	122 (49,59%)	72 (29,26%)	10 (4,06%)	-	2,76
4	KT04	39 (15,85%)	123 (50%)	70 (28,45%)	12 (4,87%)	-	2,75

Đối với việc kiểm tra đánh giá, 04 tiêu chí đã được khảo sát, với ký hiệu và nội dung như sau: KT01 - Hình thức triển khai đa dạng (Kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất; kiểm tra tổng thể hoặc theo chuyên đề; kiểm tra chéo giữa các bộ phận); KT02 - Đảm bảo sự thống nhất, chuẩn hoá; KT03 - Xác định, đánh giá chính xác thực trạng, điểm mạnh và những tồn tại, hạn chế của CTSV; KT04 - Thực hiện đầy đủ các chức năng kiểm tra, đánh giá CTSV (đối sánh, phản hồi và dự báo).

Thực tế hiện nay vẫn còn nhiều trường chưa coi trọng đúng mức công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả CTSV. Trong khi đó, việc tổ chức hoạt động này được xem là nền tảng để thúc đẩy, nâng cao hiệu quả thực hiện CTSV cũng như quản lý CTSV ở nhà trường hiện nay. Xây dựng và triển khai tổ chức kiểm tra, đánh giá đã được các trường thực hiện nhưng xác định mục tiêu và tiêu chí đánh giá cụ thể chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Trong khi đó, đây là nội dung quan trọng, là cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá đạt hiệu quả thiết thực cũng như phản ánh được thực trạng CTSV của nhà trường. Chỉ khi xác định được các

nội dung cụ thể về mục tiêu, cách thức và tiêu chí đánh giá thì việc triển khai công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện CTSV mới đảm bảo phản ánh được đúng thực tế công việc của nhà trường, từ đó làm cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả thực hiện CTSV.

Trong kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CTSV, nhà trường cần đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung cụ thể của chức năng kiểm tra, đánh giá một cách đầy đủ và nghiêm túc. Mỗi nội dung này mang ý nghĩa nhất định, do đó, phải thực hiện đồng bộ và thống nhất để đảm bảo quá trình kiểm tra, đánh giá diễn ra hiệu quả, thiết thực chứ không phải chỉ mang tính hình thức. Nhìn chung, chức năng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CTSV đã được các trường quan tâm thực hiện, tuy nhiên, hiệu quả thực hiện còn ở mức thấp hơn so với các chức năng quản lý khác. Do đó các nhà trường cần quan tâm hơn nữa trong việc thực hiện việc kiểm tra, đánh giá CTSV nhằm đảm bảo cho việc xác định thực trạng của mảng công tác này trong nhà trường. Từ đó, có những điều chỉnh phù hợp nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế trong tổ chức thực hiện CTSV và quản lý CTSV của nhà trường.

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý CTSV

Có thể nói, đánh giá đúng sự ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả quản lý CTSV sẽ giúp nhà trường có những biện pháp quản lý phù hợp để phát huy những mặt thuận lợi, khắc phục những tồn tại, hạn chế. Kết quả đánh giá của cán bộ, viên chức và sinh viên sẽ cung cấp góc nhìn đầy đủ hơn về tầm ảnh hưởng của các yếu tố đến hiệu quả CTSV của nhà trường, bao gồm: YT01 - Cơ chế, chính sách quản lý; YT02 - Năng lực của cán bộ, viên chức; YT03 - Đặc điểm, năng lực của SV; YT04 - Sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình; YT05 - Sự hỗ trợ, phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức xã hội bên ngoài; YT06 - Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học.

Bảng 12: *Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý CTSV*

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ ảnh hưởng					Điểm trung bình
		Rất mạnh	Mạnh	Bình thường	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	
1	YT01	40 (16,26%)	124 (50,40%)	70 (28,45%)	12 (4,87%)	-	2,78
2	YT02	45 (18,29%)	118 (47,96%)	72 (29,26%)	10 (4,06%)	-	2,79
3	YT03	42 (17,07%)	124 (50,40%)	68 (27,64%)	14 (5,69%)	-	2,80
4	YT04	43 (17,47%)	120 (48,78%)	71 (2,88%)	10 (4,06%)	-	2,78
5	YT05	45 (18,29%)	117 (47,56%)	71 (2,88%)	11 (4,47%)	-	2,78
6	YT06	41 (16,66%)	121 (49,18%)	69 (28,0%)	15 (6,09%)	-	2,76

Bảng 11 cho thấy, tiêu chí YT03 được đánh giá ở mức độ cao nhất với điểm trung bình là 2,80. Điều này phù hợp với cơ sở lý thuyết khi cho rằng cá nhân người học là yếu tố quyết định trực tiếp đến học tập và rèn luyện của họ. Ở phía ngược lại, tiêu chí YT06 được đánh giá ở mức độ thấp nhất với điểm trung bình là 2,76. Kết quả phỏng vấn cho thấy các trường cần quan tâm bồi dưỡng và phát triển năng lực cá nhân của từng cán bộ, viên chức, đặc biệt là các năng lực quản lý để góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả CTSV của trường. Cùng với đó, phẩm chất và năng lực của đội ngũ chuyên trách như Trợ lý quản lý sinh viên, Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, Giáo viên chủ nhiệm, Chuyên viên các đơn vị chức năng liên quan trong CTSV đóng vai trò quan trọng và có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả quản lý CTSV. Bên cạnh yêu cầu thường xuyên đổi mới, năng động, sáng tạo và phát triển trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cán bộ chuyên trách cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc về mục tiêu, nội dung, mô hình, phương pháp, cách thức thực hiện CTSV để có những tham mưu phù hợp, hiệu quả.

YT01 - Cơ chế, chính sách quản lý cũng là yếu tố được đánh giá mức độ ảnh hưởng cao. Bởi lẽ, nếu những quy định, tiêu chí, chính sách về quản lý CTSV được xây dựng rõ ràng, phù hợp, bài bản, công bằng thì đội ngũ phụ trách sẽ có động lực, tâm huyết để hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh nhà trường, gia đình cũng là môi trường giúp giáo dục toàn diện nhân cách của sinh viên. Do đó, việc phối hợp giữa nhà trường với gia đình là hết sức quan trọng và cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTSV. Muốn vậy, cần những giải pháp cụ thể để thực hiện tốt công tác phối hợp này để tiếp nhận được sự hợp tác tích cực từ phía gia đình trong việc thực hiện CTSV. Các yếu tố có ảnh hưởng tiếp theo là YT05, YT06 và cuối cùng là YT03. Trong đó, YT05 - Sự hỗ trợ, phối hợp giữa nhà trường và các tổ chức xã hội bên ngoài cũng phản ánh đúng thực tế. Bởi lẽ, quản lý CTSV chỉ có thể đạt hiệu quả nếu có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bên ngoài nhà trường như chính quyền, các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương, các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị sử dụng lao động để xây dựng môi trường giáo dục đại học lành mạnh, đào tạo được nguồn nhân lực có khả năng phục vụ và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xã hội. Đối với yếu tố YT03 - Đặc điểm, năng lực của sinh viên, để sinh viên tham gia tích cực và chủ động vào quá trình quản lý CTSV, các trường cần tạo cơ chế để phát huy vai trò của sinh viên như tham gia vào việc xây dựng các chính sách, kế hoạch CTSV; điều hành, quản lý các hoạt động tự quản, các câu lạc bộ, từ đó biến quá trình quản lý thành quá trình tự quản lý, tự chịu trách nhiệm. Quản lý CTSV chỉ được diễn ra thông suốt, hiệu quả khi có sự tương tác của sinh viên bởi đây là đối tượng, mục tiêu của quá trình đó và chính sự chủ động, tích cực của sinh viên là yếu tố quan trọng để đạt được các mục tiêu. Vì vậy, khi xây dựng các biện pháp thực hiện CTSV, các trường cần lưu ý đến đặc điểm về tâm sinh lý của sinh viên, từ đó có các biện pháp quản lý phù hợp, tạo sự hưởng ứng và thống nhất từ sinh viên.

“Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học (GDDH)” cũng là yếu tố có ảnh hưởng đến quản lý CTSV. Có thể nói, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ và tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có GDDH. Với đặc trưng là tự động hóa và kết nối không giới hạn giữa thế giới thực với thế giới ảo đã làm thay đổi nền kinh tế, cơ cấu việc làm và lối sống của hàng tỷ người trên thế giới. GDDH của chúng ta đang đứng trước những cơ hội và cả những thách thức bởi sự thay đổi nhanh chóng, khó lường trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó, quản lý

CTSV cũng chịu ảnh hưởng lớn của các yếu tố nêu trên, đặc biệt trong quá trình hội nhập quốc tế. Nó vừa là thời cơ, thuận lợi, ảnh hưởng tích cực đến việc hình thành bản lĩnh, tác phong hiện đại, sự năng động, tự tin, lòng tự tôn dân tộc đối với sinh viên nhưng bên cạnh đó cũng có những ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến một bộ phận sinh viên thiếu bản lĩnh chính trị, dễ bị sa vào lối sống thực dụng, có những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, truyền thống văn hóa của dân tộc và đất nước.

4. Kết luận

Thực trạng quản lý CTSV ở các trường đại học công lập khu vực Bắc Trung Bộ được đánh giá ở mức độ khá (với điểm trung bình từ 2,68 đến 2,80). Theo đó, các trường đã thực hiện khá tốt và chu đáo, đủ các nguồn lực cho công tác giáo dục tuyên truyền; công tác quản lý sinh viên và việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ đối với sinh viên. Các trường cũng đã thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch, sát sao trong chỉ đạo, tổ chức có hiệu quả và thường xuyên kiểm tra, đánh giá đối với quản lý CTSV. Tuy nhiên, kết quả khảo sát thực trạng kết hợp với phỏng vấn và quan sát cũng cho thấy một số tồn tại, hạn chế. Những đánh giá này sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTSV ở các trường đại học công lập ở khu vực Bắc Trung Bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- J. C. Nunnally (1978). *Psychometric Theory (2nd ed.)*. New York: McGraw-Hill.
- Jeff E. Hoyt (2021). Student connections: The critical role of student affairs and academic support services in retention efforts. *Journal of college student retention: Research, Theory & Practice*, 25(3), 480-491. DOI: 10.1177/1521025121991502
- J. Hair, R. Anderson, R. Tatham, W. Black (1998). *Multivariate data analysis (5th Edition)*. New Jersey: Prentice Hall.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nhà xuất bản thống kê.
- Lê Thị Thu Hà (2021). Nâng cao hiệu quả công tác quản lý học sinh sinh viên ở Trường Đại học Tân Trào trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí khoa học Đại học Tân Trào*, 2(2), 100-107. DOI: 10.51453/2354-1431/2016/59
- Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2009). *Nghiên cứu năng lực cạnh tranh động của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*. Đề tài B2007-09- 46-TĐ, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

**THE CURRENT SITUATION OF
STUDENT AFFAIRS MANAGEMENT AT
PUBLIC UNIVERSITIES IN THE NORTH CENTRAL REGION**

Doan Van Minh¹, Thai Van Thanh²

*¹The Center for Student Support and Business Relations,
Vinh University, Nghe An, Vietnam*

²Nghe An Department of Education and Training, Vietnam

The current situation of student affairs management at public universities in the North Central region has been analyzed and evaluated. The contents surveyed include: The need, contents, and factors affecting student affairs management. These contents are surveyed and analyzed according to the basic functions of management activities (planning, organizing, directing and evaluating). In addition, factors affecting student affairs management were also surveyed according to different levels of impact and influence. Survey results of officials, employees and learners at five public universities show that planning is strictly and closely implemented in effective direction, organization, and regular inspection and evaluation of student affairs management. However, there are some problems and limitations, for example: The developed plan is still scattered and lacks focus; There are still many limitations in organizational capacity and efficiency; The direction is still heavy on administration, not close to professional expertise; Inspection and evaluation have not fully promoted the inherent strength and functions...

Keywords: Student affairs management; public university; North Central region; higher education.